



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1768>

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Mộng Tuyền<sup>1</sup> và Nguyễn Thi Anh Thu<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Khoa Giáo dục chính trị & Quản lý giáo dục, Trường Sư phạm,  
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [anhthunguyen8301@gmail.com](mailto:anhthunguyen8301@gmail.com)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 07/02/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 14/3/2026; Ngày duyệt đăng: 16/3/2026

### Tóm tắt

Hoạt động giáo dục đạo đức ở tiểu học chỉ đạt hiệu quả giáo dục cao khi được quản lý một cách khoa học và đồng bộ. Vì vậy, mục đích của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo các chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 32 cán bộ quản lý và 108 giáo viên thông qua các phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn, quan sát và phân tích sản phẩm hoạt động. Số liệu khảo sát được xử lý theo thang đo 5 mức độ nhằm tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn và xếp thứ hạng. Kết quả nghiên cứu có đa số các nội dung hoạt động được đánh giá mức khá tốt. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung hoạt động chỉ đánh giá mức trung bình. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

**Từ khóa:** Hoạt động giáo dục đạo đức, Phường Đông Hưng Thuận, thực trạng quản lý, trường tiểu học.

Trích dẫn: Huỳnh, M. T., & Nguyễn, T. A. T. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 59-69. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1768>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **CURRENT MANAGEMENT OF MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS IN DONG HUNG THUAN WARD, HO CHI MINH CITY**

**Huynh Mong Tuyen<sup>1</sup> and Nguyen Thi Anh Thu<sup>2\*</sup>**

<sup>1</sup>*Faculty of Political Education and Educational Management, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: anhhunguyen8301@gmail.com*

### **Article history**

*Received: 07/02/2026; Received in revised form: 14/3/2026; Accepted: 16/3/2026*

### **Abstract**

*Moral education activities at the primary school level can achieve high educational effectiveness only when they are managed in a scientific and systematic manner. Therefore, this study is to assess the current status of managing moral education activities for primary school students in Dong Hung Thuan Ward, Ho Chi Minh City, based on key management functions, including planning, organizing, directing, and monitoring and evaluation. Data were collected from 32 school administrators and 108 teachers using questionnaires, interviews, observations, and analysis of activity products. The data were processed using a five-point Likert scale to calculate mean scores, standard deviations, and rankings. The results indicate that the majority of management activities were evaluated at a fairly good level; however, several aspects were rated only at an average level. The findings provide an important practical basis for proposing measures to enhance the effectiveness of managing moral education activities for primary school students in the context of current educational reforms.*

**Keywords:** *Dong Hung Thuan Ward, moral education activities, management status, primary school.*

## **1. Giới thiệu**

Đạo đức của con người được thể hiện ở năng lực hành động tự giác vì lợi ích của người khác và lợi ích của cộng đồng xã hội, phù hợp với những quy định, những chuẩn mực đạo đức xã hội. Những chuẩn mực này luôn hướng đến cái thiện, đòi hỏi mỗi thành viên trong xã hội phải thực hiện dưới sức ép của dư luận, đánh giá của những người xung quanh, cộng đồng và xã hội. Đạo đức xã hội là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực được xã hội thừa nhận và đòi hỏi những thành viên thực hiện sao cho phù hợp với lợi ích chung và bản thân nhằm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng, xã hội. Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, có tác dụng điều chỉnh hành vi của con người trên cơ sở đối lập thiện và ác (Nguyễn, 2008). Với tư cách là một lĩnh vực cốt lõi của ý thức xã hội, đạo đức không chỉ là thành tố cấu thành nhân cách mà còn giữ vai trò nền tảng trong sự ổn định và phát triển bền vững của đời sống xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề đạo đức của thế hệ trẻ đã vượt ra khỏi phạm vi một quốc gia riêng lẻ, trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, gắn trực tiếp với tương lai và sự tồn tại của nhân loại (Hà & Nguyễn, 2006).

Sự hình thành và phát triển đạo đức của cá nhân là một quá trình lâu dài, mang tính giai đoạn và gắn liền với sự phát triển nhận thức của trẻ em. Piaget (1932) cho rằng đạo đức phát triển thông qua sự chuyển biến từ trạng thái phục tùng thụ động sang ý thức tự chủ, phụ thuộc chặt chẽ vào mức độ trưởng thành của tư duy logic. Đồng thời, đạo đức không hình thành do áp đặt mà cần được phát triển thông qua tương tác và trải nghiệm xã hội (Kohlberg, 1981). Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cũng nhấn mạnh sự thống nhất biện chứng giữa “đức” và “hành”, coi đạo đức là nền tảng của nhân cách con người và phải được rèn luyện thường xuyên thông qua hoạt động thực tiễn hằng ngày, đặc biệt trong giáo dục thế hệ trẻ.

Trong nhà trường phổ thông, giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho học sinh không chỉ là nhiệm vụ sư phạm của giáo viên mà là một quá trình giáo dục có mục tiêu, có tổ chức, đòi hỏi sự quản lý chặt chẽ, đồng bộ và có định hướng. Quản lý hoạt động GDĐĐ được hiểu là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý nhằm tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động giáo dục hướng tới việc hình thành, củng cố phẩm chất đạo đức, hành vi và thói quen tích cực cho học sinh. Theo Watson (2008), quản lý GDĐĐ thực chất là “quản lý một quá trình hình thành giá trị”, do đó không thể thực hiện bằng các mệnh lệnh hành chính đơn thuần mà cần dựa trên sự tác động toàn diện đến con người và môi trường giáo dục.

Nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý giáo dục khẳng định rằng hiệu quả của hoạt động giáo dục phụ thuộc đáng kể vào chất lượng công tác quản lý. Phạm (1996) cho rằng quản lý giáo dục giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc thực hiện các chức năng cơ bản của quản lý. Quản lý giáo dục là yếu tố then chốt quyết định sự thành bại trong việc chuyển hóa các mục tiêu chiến lược thành chất lượng giáo dục thực tiễn tại nhà trường phổ thông. (Nguyễn, 2018).

Quản lý giáo dục là sự tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục vận hành đúng định hướng và đạt được mục tiêu đề ra (Trần, 2011). Trong các chức năng quản lý, lập kế hoạch giữ vai trò định hướng chiến lược, xác định mục tiêu và lộ trình thực hiện một cách khoa học (Nguyễn, 2012). Bên cạnh đó, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá là những chức năng cơ bản bảo đảm sự phối hợp đồng bộ các nguồn lực, điều hành hoạt động và kịp thời điều chỉnh những hạn chế phát sinh trong quá trình thực hiện (Trần, 2018).

Đối với chức năng kiểm tra, Hồ Chí Minh đã sớm nhấn mạnh vai trò đặc biệt của hoạt động này trong quản lý. “Kiểm soát khéo bao nhiêu, khuyết điểm lòi ra hết; hơn nữa, kiểm soát khéo thì về sau khuyết điểm nhất định bớt đi” (Hồ Chí Minh Toàn tập, 2011, tập 5, tr

327). Quan điểm này cho thấy kiểm tra không nhằm trừng phạt mà là một quá trình phản hồi mang tính xây dựng, góp phần hoàn thiện hoạt động quản lý, đặc biệt phù hợp với GDĐĐ – một lĩnh vực mang tính mềm, khó lượng hóa và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ môi trường sư phạm.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý trong GDĐĐ, hệ thống văn bản pháp lý hiện hành cũng đã xác định rõ vai trò trung tâm của hiệu trưởng trong việc tổ chức và điều phối các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020) nêu rõ hiệu trưởng là chủ thể quản lý cao nhất ở trường tiểu học, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, huy động các lực lượng tham gia và chỉ đạo toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện GDĐĐ theo mục tiêu đã xác định.

Nhìn chung những cơ sở lý luận và pháp lý nêu trên đã xây dựng một hệ thống lý luận vững chắc về bốn chức năng cốt lõi của quản lý giáo dục. Các tác giả đã đều đồng thuận rằng quản lý là yếu tố then chốt để chuyển hóa mục tiêu giáo dục thành chất lượng thực tiễn. Tuy nhiên phần lớn các công trình nghiên cứu này còn tập trung vào khung lý thuyết tổng thể, quản lý hoạt động dạy học các môn văn hóa. Do đó, việc chuyển hóa từ lý thuyết sang hệ thống các biện pháp thực hiện phù hợp với đặc thù của hoạt động GDĐĐ tại cơ sở vẫn cần được tiếp tục làm rõ thông qua các dữ liệu minh chứng. Theo quan điểm của Watson (2008) hay Piaget (1932), GDĐĐ là lĩnh vực khó định lượng và phụ thuộc vào sự trưởng thành của tư duy, đòi hỏi cơ chế quản lý phải linh hoạt không thể thực hiện bằng mệnh lệnh hành chính đơn thuần.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo chương trình phổ thông 2018, tốc độ đô thị hóa và sự đa dạng dân cư trên địa bàn phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh đang đối mặt với thách thức trong việc tổ chức và phối hợp các lực lượng giáo dục. Những biến đổi về môi trường sống, sự tác động của công nghệ số lên đạo đức học sinh tiểu học đặt ra yêu cầu cấp thiết về đánh giá thực trạng nhằm kiểm chứng mức độ hiệu quả của mô hình quản lý hiện hành với thực tiễn tại địa phương.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này không chỉ hệ thống cơ sở khoa học mà còn tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ trên địa bàn phường Đông Hưng Thuận. Kết quả nghiên cứu góp phần rõ ràng mối quan hệ giữa lý luận quản lý và thực tiễn GDĐĐ, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý khả thi nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho học sinh tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

- Khách thể khảo sát 140 người, trong đó có 32 cán bộ quản lý (CBQL) và 108 giáo viên (GV)

- Số liệu khảo sát được nghiên cứu từ năm 2022 đến năm 2024.

- Địa bàn khảo sát: 7 trường tiểu học trên địa bàn phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh: Trường Tiểu học Tân Thuận, Trường Tiểu học Thuận Kiều, Trường Tiểu học Trần Văn Ôn, Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định, Trường Tiểu học Tuệ Đức và Trường Tiểu học Thần Đồng.

- Phương pháp nghiên cứu: tiếp cận định lượng kết hợp định tính nhằm phản ánh một cách khách quan và toàn diện thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Khách thể phỏng vấn bao gồm 11 CBQL và GV được mã hoá: 01,02,03,04,05,06,07,08

- Cách thức xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê toán học và phần mềm Microsoft Office Excel để tính điểm trung bình (ĐTB), xếp thứ hạng (TH). Trong đó, ĐTB được quy ước chia theo 5 mức độ (từ 1 (thấp nhất) đến 5 (cao nhất)) cụ thể như sau:

Mức độ	Điểm trung bình	Các mức độ đánh giá		
1	1 - 1,8 điểm	Kém	Chưa bao giờ	Rất ít ảnh hưởng
2	1,81 - 2,60 điểm	Yếu	Hiếm khi	Ít ảnh hưởng
3	2,61 - 3,40 điểm	Trung bình	Thỉnh thoảng	Ảnh hưởng
4	3,41 - 4,20 điểm	Khá	Thường xuyên	Khá ảnh hưởng
5	4,21 - 5,0 điểm	Tốt	Rất thường xuyên	Rất ảnh hưởng

Thứ hạng (TH) được xác định trên cơ sở giá trị ĐTB và mang tính tương đối trong trường hợp các giá trị xấp xỉ nhau.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường tiểu học phường Đông Hưng, thành phố Hồ Chí Minh

Một kế hoạch quản lý hiệu quả trước hết phải xác định rõ mục tiêu cần đạt, đồng thời bảo đảm các điều kiện thực hiện và phân bổ nguồn lực một cách hợp lý (Koontz & Weihrich, 2010). Cho nên vấn đề thực trạng đầu tiên được quan tâm nghiên cứu là thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ và trình bày kết quả ở bảng 1 như sau:

**Bảng 1. Mức độ thực hiện lập kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học**

Lập kế hoạch	CBQL			GV		
	ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
Xác định điểm mạnh, điểm yếu hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học.	4,33	0,69	3	4,39	1,00	3
Xác định mục tiêu, yêu cầu của quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học.	4,56	0,62	1	4,49	0,58	1
Xác định hệ thống công việc với thời gian cụ thể thực hiện	4,22	0,96	4	4,31	0,82	4
Đề xuất các biện pháp thực hiện thực hiện kế hoạch	3,16	0,79	5	3,37	1,03	5
Xây dựng các kế hoạch hành động thực hiện GDĐĐ cho học sinh tiểu học	4,39	0,61	2	4,43	0,56	2
<b>ĐTB chung</b>	<b>4,13</b>			<b>4,20</b>		

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học được đánh giá ở mức khá theo thang đo quy ước (CBQL: ĐTB = 4,13; GV: ĐTB = 4,20). Điều này phản ánh việc lập kế hoạch đã được các nhà trường quan tâm và triển khai tương đối thường xuyên trong thực tiễn quản lý.

Trong các nội dung khảo sát, xác định mục tiêu và yêu cầu quản lý hoạt động GDĐĐ đạt ĐTB cao nhất ở cả hai nhóm đối tượng (CBQL = 4,56; GV = 4,49), thuộc Mức 5, xếp thứ hạng 1. Kết quả này cho thấy các nhà trường đã chú trọng xác định rõ định hướng và mục tiêu GDĐĐ ngay từ khâu lập kế hoạch.

Các nội dung xây dựng kế hoạch hành động và xác định điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động GDĐĐ cũng đạt mức khá đến tốt, với ĐTB dao động từ 4,33 đến 4,43 cho thấy sự quan

tâm của đội ngũ CBQL và GV, bước đầu thực hiện việc phân tích thực trạng, cụ thể hóa kế hoạch triển khai trong quản lý hoạt động.

Tuy nhiên, nội dung đề xuất các biện pháp thực hiện kế hoạch chỉ đạt mức trung bình (CBQL: ĐTB = 3,16; GV: ĐTB = 3,37), xếp thứ hạng thấp nhất. Để rõ hơn thực trạng sự khác biệt này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn khách thể GV 01 và 02 được biết: việc cụ thể hóa kế hoạch thành các biện pháp quản lý đồng bộ, khả thi và sát với điều kiện thực tiễn của từng nhà trường vẫn còn hạn chế. Kết hợp với việc quan sát phần nào cho thấy GDĐĐ là lĩnh vực khó xác định bằng các tiêu chí và minh chứng cụ thể, chịu tác động của nhiều yếu tố, khiến việc xây dựng các biện pháp quản lý đồng bộ và khả thi gặp nhiều hạn chế. Một số biện pháp còn mang tính định hướng chung, chưa gắn chặt với điều kiện thực tiễn, nguồn lực và đặc thù của từng nhà trường. Đồng thời, việc thiếu hướng dẫn chi tiết và cơ chế hỗ trợ cụ thể trong quá trình triển khai khiến GV gặp khó khăn khi vận dụng vào thực tiễn giáo dục học sinh.

Từ các kết quả trên có thể khẳng định, công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ đã được triển khai tương đối đầy đủ, song khâu đề xuất biện pháp còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống biện pháp theo hướng cụ thể, khả thi và phù hợp với điều kiện triển khai tại từng nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý GDĐĐ ở bậc tiểu học.

### 3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh

Hiệu quả hoạt động GDĐĐ phụ thuộc quyết định ở khâu tổ chức thực hiện kế hoạch. Thực trạng vấn đề này được khảo sát, thống kê và thể hiện kết quả qua bảng 2.

**Bảng 2. Mức độ tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học**

Tổ chức hoạt động	CBQL			GV		
	ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
Triển khai, giao kế hoạch cho các bộ phận thực hiện hoạt động	4,61	0,67	1	4,55	0,62	1
Phân công nhiệm vụ rõ ràng và hiệu quả.	4,44	0,56	2	4,51	0,59	2
Huy động nguồn lực để tổ chức hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học	3,40	1,12	5	3,39	1,08	5
Phát huy các thành tố của quá trình GDĐĐ	4,39	0,57	3	3,47	0,57	4
Theo dõi, đánh giá, hỗ trợ xử lý tình huống kịp thời	3,50	1,07	4	3,55	1,09	3
<b>ĐTB chung</b>	<b>4,07</b>			<b>3,89</b>		

Kết quả khảo sát tại bảng 2 cho thấy công tác tổ chức hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung của nhóm CBQL là 4,07 và GV là 3,89.

Trong các nội dung khảo sát, “Triển khai, giao kế hoạch cho các bộ phận thực hiện hoạt động” đạt điểm trung bình cao nhất ở cả hai nhóm đối tượng (CBQL: ĐTB = 4,61; GV: ĐTB = 4,55), xếp thứ hạng 1. Kết quả này cho thấy các nhà trường đã chú trọng khâu triển khai kế hoạch, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất và kịp thời trong tổ chức hoạt động GDĐĐ. Tiếp theo là nội dung “Phân công nhiệm vụ rõ ràng và hiệu quả” (CBQL: ĐTB = 4,44; GV: ĐTB = 4,51),

xếp thứ hạng 2, phản ánh việc phân công trách nhiệm trong tổ chức hoạt động GDĐĐ cơ bản rõ ràng, phù hợp với chức năng và vai trò của các lực lượng tham gia.

Nội dung “Phát huy các thành tố của quá trình GDĐĐ” được CBQL đánh giá ở mức khá (ĐTB = 4,39, xếp thứ hạng 3), trong khi GV đánh giá ở mức thấp hơn (ĐTB = 3,47, xếp thứ hạng 4). Qua quan sát thực tế và kết hợp với phỏng vấn các khách thể cho thấy nguyên nhân của sự chênh lệch này: mặc dù về mặt quản lý đã có định hướng phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục, song trong thực tiễn triển khai, GV còn gặp khó khăn trong việc phối hợp đồng bộ giữa 3 thành tố. Lý do cụ thể trước hết sự thiếu thống nhất về mục tiêu và quan điểm giáo dục giữa ba môi trường (nhà trường chú trọng phẩm chất, không ít phụ huynh chú trọng thành tích,...). Nguyên nhân thứ hai do cơ chế phối hợp mang tính hình thức, chưa rõ ràng về trách nhiệm và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phối hợp. Ngoài ra lý do còn đến từ áp lực và hạn chế thời gian và kỹ năng của GV và phụ huynh cũng làm giảm chất lượng kết nối, khiến việc tương tác giữa các bên diễn ra khi phát sinh vấn đề.

Kết quả khảo sát cho thấy có sự phân hóa trong đánh giá về những khâu còn hạn chế trong công tác tổ chức hoạt động. Cụ thể nội dung “Theo dõi, đánh giá, hỗ trợ xử lý tình huống kịp thời” ở nhóm CBQL: ĐTB = 3,50, xếp thứ hạng 4 còn nhóm GV: ĐTB = 3,55, xếp thứ hạng 3. Thông tin này cho thấy sự khác biệt trong góc nhìn về tính kịp thời của công tác hỗ trợ giữa người quản lý và người trực tiếp thực hiện. Đối với nội dung “Huy động nguồn lực để tổ chức hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học” được cả hai nhóm đối tượng đánh giá ở mức thấp nhất với điểm trung bình lần lượt là 3,40 (CBQL) và 3,39 (GV), đều xếp thứ hạng 5. Tác giả đã phỏng vấn khách thể số 03, 04 cho biết nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc nhiều trường chưa xây dựng được bộ tiêu chí và quy định đánh giá cụ thể, rõ ràng và nhất quán để theo dõi sự phát triển đạo đức của học sinh. Việc đánh giá mang tính cảm tính phụ thuộc vào nhận xét của GV khó đảm bảo tính khách quan và liên tục. Áp lực về hành chính, chuyên môn và các nhiệm vụ khác khiến cho CBQL có ít điều kiện theo sát từng trường hợp học sinh. Ngoài ra sự kết nối giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường còn rời rạc, thiếu quy trình làm việc thống nhất.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy công tác tổ chức hoạt động GDĐĐ tại các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận đã được triển khai tương đối bài bản, đặc biệt ở khâu triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến huy động nguồn lực và theo dõi, hỗ trợ trong quá trình thực hiện vẫn là những khâu cần được cải thiện, nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động GDĐĐ trong nhà trường tiểu học hiện nay.

### 3.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ đạo tổ chức hoạt động GDĐĐ là chức năng quản lý giữ vai trò trung tâm, trực tiếp quyết định hiệu quả triển khai kế hoạch trong thực tiễn. Thực trạng chỉ đạo hoạt động GDĐĐ ở các trường tiểu học được thể hiện qua kết quả khảo sát với các số liệu cụ thể bảng 3 như sau:

**Bảng 3. Mức độ chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học**

Chỉ đạo hoạt động	CBQL			GV		
	ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
Ra quyết định, phân công chủ thể chỉ đạo điều hành hoạt động GDĐĐ.	3,50	0,79	2	3,43	0,56	3
Thể hiện vai trò chỉ đạo, điều hành, phát huy tính tích cực, sáng tạo cho các chủ thể thực hiện GDĐĐ học sinh	4,41	0,74	1	4,41	0,54	1

Chỉ đạo hoạt động	CBQL			GV		
	ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
Thúc đẩy, động viên, hướng dẫn và giám sát để bảo đảm mọi hoạt động GDĐĐ.	4,41	0,74	1	4,39	0,47	2
Giải quyết vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động GDĐĐ cho học sinh	2,50	1,28	3	2,47	1,27	4
<b>ĐTB chung</b>	<b>3,71</b>			<b>3,68</b>		

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học hiện được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình chung của nhóm CBQL là 3,71 và của nhóm GV là 3,68. Kết quả này phản ánh chức năng chỉ đạo đã được triển khai tương đối thường xuyên, góp phần duy trì và điều hành các hoạt động GDĐĐ trong nhà trường.

Trong các nội dung khảo sát, nội dung thể hiện vai trò chỉ đạo, điều hành, phát huy tính tích cực và sáng tạo của các chủ thể tham gia GDĐĐ đạt điểm trung bình cao nhất ở cả hai nhóm đối tượng (CBQL = 4,41; GV = 4,41). Tương tự, nội dung thúc đẩy, động viên, hướng dẫn và giám sát hoạt động GDĐĐ cũng được đánh giá cao (CBQL = 4,41; GV = 4,39). Kết quả này cho thấy đội ngũ CBQL đã bước đầu phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực và điều phối hoạt động GDĐĐ tương đối hiệu quả trong phạm vi kế hoạch đã đề ra.

Nội dung ra quyết định và phân công chủ thể chỉ đạo, điều hành hoạt động GDĐĐ đạt mức khá (CBQL = 3,50; GV = 3,43), phản ánh việc phân công trách nhiệm và tổ chức điều hành nhìn chung đã được thực hiện, song mức độ thống nhất và hiệu quả triển khai giữa các trường còn chưa đồng đều.

Đáng chú ý, nội dung giải quyết các vấn đề nảy sinh và xử lý tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động GDĐĐ có điểm trung bình thấp nhất (CBQL = 2,50; GV = 2,47), đồng thời có độ lệch chuẩn cao (ĐLC ≈ 1,27–1,28). Tác giả cũng tiến hành phỏng vấn nhóm khách thể và quan sát hỗ trợ để tìm hiểu nguyên nhân và ghi nhận được: trong một số trường hợp, CBQL gặp khó khăn trong việc theo dõi sát quá trình rèn luyện đạo đức của học sinh vì các tình huống phát sinh mang tính đa dạng, phức tạp và chịu tác động của nhiều yếu tố từ gia đình, nhà trường và xã hội. Khi xảy ra các vấn đề liên quan đến đạo đức học sinh việc chia sẻ thông tin, xây dựng phương án, thống nhất các biện pháp xử lý chưa kịp thời. Bên cạnh còn một số CBQL và GV còn thiếu kỹ năng dự báo và kinh nghiệm xử lý tình huống. Điều này phần nào phản ánh những hạn chế trong công tác thu thập thông tin phản hồi, năng lực dự báo và quản lý rủi ro trong quá trình chỉ đạo.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo hoạt động GDĐĐ tại các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận hiện nay chủ yếu tập trung vào vai trò điều hành theo kế hoạch và duy trì hoạt động thường xuyên, trong khi chức năng chỉ đạo điều chỉnh, xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức còn là khâu yếu. Thực trạng này đòi hỏi đổi mới công tác chỉ đạo theo hướng quản lý theo quá trình, đồng thời nâng cao năng lực ra quyết định và xử lý tình huống của CBQL.

### 3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh

Muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: Một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải được tiến hành thường xuyên. Hai là người kiểm soát phải là người rất có uy tín. Thực

trạng của công tác kiểm tra, đánh giá ở các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận, được thể hiện ở bảng 4 sau:

**Bảng 4. Mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức ở các trường tiểu học**

Kiểm tra, đánh giá	CBQL			GV		
	ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh theo tiêu chí và quy trình đánh giá rõ ràng, minh bạch.	3,39	0,52	1	3,47	0,54	1
Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh theo định kỳ và đột xuất	2,33	1,29	2	3,19	0,73	2
Chỉ đạo, giám sát và phản hồi kết quả hiệu quả	2,33	1,30	2	2,39	1,32	3
<b>ĐTB chung</b>	<b>2,68</b>			<b>3,02</b>		

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học hiện được thực hiện ở mức trung bình, với điểm trung bình chung của nhóm CBQL là 2,68 và của nhóm GV là 3,02. Độ lệch chuẩn của các nội dung khảo sát dao động từ 0,52 đến 1,32 cho thấy sự khác biệt nhất định trong cách thức triển khai công tác kiểm tra, đánh giá giữa các nhà trường.

Trong các nội dung được khảo sát, lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ theo tiêu chí và quy trình rõ ràng, minh bạch được đánh giá cao nhất ở cả hai nhóm đối tượng (CBQL: ĐTB = 3,39; GV: ĐTB = 3,47), xếp thứ hạng 1. Kết quả này cho thấy chức năng kiểm tra, đánh giá đã được thể hiện ở khâu định hướng và xây dựng kế hoạch quản lý, góp phần tạo cơ sở pháp lý và chuyên môn cho việc triển khai trong thực tiễn.

Tuy nhiên, nội dung tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ định kỳ và đột xuất có điểm trung bình ở nhóm CBQL (ĐTB = 2,33), GV (ĐTB = 3,19). Đáng chú ý nội dung chỉ đạo, giám sát và phản hồi kết quả đều nằm ở mức yếu cả nhóm đối tượng CBQL (ĐTB = 2,33), GV (ĐTB = 2,39). Điều này cho thấy khâu giám sát và phản hồi sau kiểm tra vẫn chưa được thực hiện quyết liệt, chưa tạo được ảnh hưởng rõ ràng đến việc điều chỉnh hoạt động GDĐĐ cho phù hợp tại các trường. Tác giả kết hợp kết quả khảo sát với phỏng vấn nhóm khách thể và quan sát thực tiễn để tìm hiểu thêm vấn đề này cho thấy một số nguyên nhân như sau: GDĐĐ là lĩnh vực mang tính quá trình, khó đánh giá bằng các tiêu chí định lượng rõ ràng, trong khi hệ thống công cụ theo dõi sự tiến bộ của học sinh còn thiếu và chưa được sử dụng thống nhất. Việc kiểm tra, đánh giá chủ yếu dừng lại ở nhận xét định tính theo từng thời điểm, ít khi tổ chức kiểm tra đột xuất như đánh giá năng lực những môn học tính bằng điểm số, chưa chú trọng khâu đánh giá từ phụ huynh học sinh cũng như chưa chú trọng việc phản hồi thông tin kịp thời để rút kinh nghiệm và điều chỉnh hoạt động, khiến kiểm tra, đánh giá mới dừng lại ở chức năng ghi nhận hiện trạng, chưa trở thành công cụ quản lý nhằm thúc đẩy sự cải tiến và phát triển bền vững hoạt động GDĐĐ.

Tóm lại, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ tại các trường tiểu học phường Đông Hưng Thuận đã được quan tâm ở khâu lập kế hoạch, song chưa phát huy đầy đủ vai trò điều chỉnh và cải tiến hoạt động quản lý. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng tăng cường đánh giá theo quá trình, hoàn thiện hệ thống

tiêu chí và công cụ theo dõi sự phát triển đạo đức của học sinh, làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp quản lý trong giai đoạn tiếp theo.

#### **4. Kết luận**

Hoạt động GDĐĐ cho học sinh tiểu học tại các trường thuộc phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã được các nhà trường quan tâm quản lý tương đối toàn diện thông qua việc thực hiện các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý nhìn chung đạt mức trung bình khá, phản ánh sự hiện diện đầy đủ của các chức năng quản lý trong thực tiễn nhà trường.

Trong đó, công tác lập kế hoạch được CBQL chú trọng thực hiện, thể hiện ở việc xác định mục tiêu và định hướng GDĐĐ tương đối rõ ràng. Hoạt động tổ chức và chỉ đạo cơ bản đáp ứng yêu cầu duy trì và triển khai các nội dung GDĐĐ, với sự phân công nhiệm vụ và điều hành thực hiện ở mức độ nhất định; CBQL bước đầu thể hiện vai trò dẫn dắt, động viên và điều phối các lực lượng tham gia GDĐĐ cho học sinh. Công tác kiểm tra, đánh giá đã được đưa vào kế hoạch quản lý, thể hiện qua việc xây dựng tiêu chí và tổ chức các đợt kiểm tra theo quy định.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý GDĐĐ vẫn còn một số hạn chế. Công tác lập kế hoạch ở một số trường còn mang tính hình thức, chủ yếu bám theo kế hoạch chung của cấp trên, chưa dựa nhiều vào phân tích thực trạng, điều kiện cụ thể và những khó khăn phát sinh trong quá trình GDĐĐ. Việc tổ chức thực hiện và chỉ đạo còn thiếu tính linh hoạt; huy động nguồn lực và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục chưa hiệu quả; việc hỗ trợ, xử lý kịp thời các tình huống trong thực tiễn GDĐĐ còn gặp nhiều lúng túng. Đặc biệt, công tác kiểm tra, đánh giá chưa phát huy đầy đủ vai trò điều chỉnh và phát triển, khi hoạt động này chủ yếu mang tính định kỳ, hình thức, thiếu phản hồi sau đánh giá để phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế và rút ra bài học quản lý.

Những kết quả và hạn chế nêu trên là cơ sở thực tiễn quan trọng để các nhà trường tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động GDĐĐ theo hướng quản lý theo quá trình, tăng cường đánh giá dựa trên minh chứng và nâng cao năng lực điều hành của đội ngũ CBQL, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

#### **Tài liệu tham khảo**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học.*
- Hà, N. T., & Nguyễn, P. L. (2006). *Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học.* Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Hồ Chí Minh toàn tập. (2011). Tập 5.* Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Kohlberg, L. (1981). *The philosophy of moral development: Moral stages and the idea of justice* (Vol. 1). Harper & Row.
- Koontz, H., & Weirich, H. (2008). *Essentials of management: An international perspective* (8th ed.). McGraw-Hill.
- Nguyễn, Đ. C. (2018). *Quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông.* Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, H. H. (2008). *Đạo đức và phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.* Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

- Nguyễn, T. M. L. (Chủ biên). (2012). *Quản lý giáo dục – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Phạm, M. H. (1996). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của giáo dục và đào tạo*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Piaget, J. (1932). *The moral judgment of the child*. Routledge & Kegan Paul.
- Trần, K. (2011). *Quản lý nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần, K. (2018). *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm
- Watson, M. (2008). Developmental discipline and moral education. In L. P. Nucci & D. Narvaez (Eds.), *Handbook of moral and character education* (pp. 175–203). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203931431>